

BỘ CÔNG NGHIỆP**BỘ CÔNG NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 04/2005/TT-BCN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản giai đoạn 2005 - 2010**

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Nghị định số 76/2000/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật Khoáng sản (sửa đổi);

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Bộ Công nghiệp hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản giai đoạn 2005 - 2010 như sau:

I. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1. Tiêu chuẩn VILAS là tiêu chuẩn của Hệ thống công nhận phòng thí nghiệm Việt Nam (Vietnam Laboratory Accreditation Scheme). Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS là Phòng thí nghiệm có hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC 17025, tương đương với TCVN ISO/IEC

17025: 2001. Giấy chứng nhận VILAS do Văn phòng Chứng nhận Chất lượng thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản là Bộ Công nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc UBND các tỉnh đối với Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

II. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XUẤT KHẨU KHOÁNG SẢN

1. Khoáng sản tuân thủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau mới được phép xuất khẩu:

a) Được khai thác từ các mỏ không nằm trong quy hoạch và cân đối phục vụ cho chế biến trong nước.

b) Đã qua chế biến đạt tiêu chuẩn chất lượng và điều kiện quy định tại Phụ lục 01 của Thông tư này. Tiêu chuẩn chất

lượng của khoáng sản phải được các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS xác nhận.

2. Doanh nghiệp được phép xuất khẩu khoáng sản là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, có đủ điều kiện theo quy định của Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài và phải đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

a) Có Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

b) Có Giấy phép chế biến khoáng sản còn hiệu lực, có Hợp đồng mua khoáng sản để chế biến với tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực.

c) Có Hợp đồng mua khoáng sản hoặc Hợp đồng ủy thác xuất khẩu khoáng sản với tổ chức, cá nhân có Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Giấy phép chế biến khoáng sản còn hiệu lực.

3. Việc xuất khẩu khoáng sản theo phương thức kinh doanh tạm nhập tái xuất được thực hiện theo Quy chế kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất (ban hành kèm theo Quyết định số 1311/1998/QĐ-BTM ngày 31 tháng 10 năm 1998 của Bộ Thương mại).

4. Việc xuất khẩu khoáng sản trả thương nhân nước ngoài sau khi thực hiện hợp đồng gia công chế biến cho thương nhân nước ngoài được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.

5. Việc xuất khẩu than mỏ được thực hiện theo Thông tư 02/1999/TT-BCN ngày 14/6/1999 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn điều kiện kinh doanh than mỏ. Trường hợp xuất khẩu tiểu ngạch thực hiện theo Thông tư số 15/2000/TT-BTM ngày 10 tháng 8 năm 2000 của Bộ Thương mại.

6. Khoáng sản dầu khí thực hiện theo Luật Dầu khí và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dầu khí đã được Quốc hội thông qua ngày 06/7/1993 và ngày 09/6/2000.

7. Trường hợp khoáng sản đã qua phân loại, tuyển rửa và chế biến nhưng không thể đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định tại Phụ lục 01 hoặc đối với các chủng loại khoáng sản chưa được nêu trong Phụ lục 01, Bộ Công nghiệp (đối với khoáng sản rắn và phi kim loại) và Bộ Xây dựng (đối với khoáng sản vật liệu xây dựng) có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện. Trường hợp đặc biệt có thay đổi, bổ sung quy hoạch phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Đối với một số chủng loại khoáng sản mà các hợp đồng xuất khẩu đã ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực theo điều kiện và tiêu chuẩn của Thông tư 02/2001/TT-BCN ngày 27 tháng 4 năm 2001 bao gồm tinh quặng cromit, tinh quặng ilmenite, zircon, rutile, sunfur chì, được phép xuất khẩu đến hết ngày 30/9/2005. Sau thời hạn trên phải thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Căn cứ nhu cầu từng loại khoáng sản cho các dự án chế biến sâu khoáng

sản trong nước, Bộ Công nghiệp sẽ điều chỉnh danh mục khoáng sản được phép xuất khẩu tại Phụ lục 01 của Thông tư và sẽ công bố trước 01 năm khi dừng xuất khẩu.

3. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 02/2001/TT-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 27 tháng 4 năm 2001 hướng dẫn việc xuất khẩu khoáng sản hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Đỗ Hữu Hào

BỘ CÔNG NGHIỆP**Phụ lục 01****TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN KHOÁNG SẢN XUẤT KHẨU***(ban hành kèm theo Thông tư số 04/2005/QĐ-BCN**ngày 02/8/2005 của Bộ Công nghiệp)*

Số thứ tự	Loại khoáng sản xuất khẩu	Hàm lượng	Thời hạn, điều kiện
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tinh quặng Cromit	$\geq 46\% \text{Cr}_2\text{O}_3$	
2	Sản phẩm từ quặng Titan		
	- Tinh quặng Ilmenite (sa khoáng)	$\geq 52\% \text{TiO}_2$ ($< 57\%$)	Chỉ được xuất khẩu đến hết 2008
	- Tinh quặng Ilmenite (gốc)	$\geq 48\% \text{TiO}_2$	Mỏ Cây Châm (Thái Nguyên) chỉ được xuất khẩu đến hết 2008
	- Tinh quặng Zircon	$\geq 65\% \text{ZrO}_2$	
	- Tinh quặng Rutile	$\geq 83\% \text{TiO}_2$	
	- Tinh quặng Monazite	$\geq 57\% \text{Reo}$	
3	Tinh quặng sulfur chì	$\geq 50\% \text{Pb}$	
4	Tinh quặng đồng	$\geq 18\% \text{Cu}$	Chỉ được xuất khẩu đến hết 2006
5	Sản phẩm quặng kẽm		
	- Tinh quặng sulfur kẽm	$\geq 50\% \text{Zn}$	Chỉ được xuất khẩu đến hết 2005
	- Quặng oxyt kẽm	$\geq 25\% \text{Zn}$	Chỉ được xuất khẩu đến hết 2005
	- Bột oxyt kẽm	$\geq 60\% \text{Zn}$	
6	Quặng sắt	$\geq 54\% \text{Fe}$ Cỡ hạt $< 50 \text{ mm}$	Mỏ Thạch Khê, Hà Tĩnh không được xuất khẩu. Mỏ Quý Xa chỉ được xuất khẩu để nhập khẩu đổi lưu than cốc cho nhu cầu luyện thép trong nước
7	Quặng sắt vè viên	$\geq 66\% \text{Fe}$ Cỡ hạt 8 - 15 mm	
8	Tinh quặng Magnetit	$\geq 75\% \text{Fe}_2\text{O}_3$	

(1)	(2)	(3)	(4)
9	Quặng mangan	$\geq 35\% \text{ Mn}$	
10	Tinh quặng Wolframit	$\geq 65\% \text{ WO}_3$	
11	Tinh quặng bauxit	$\geq 45\% \text{ Al}_2\text{O}_3$	Đối với các mỏ nằm ngoài khu vực Tây Nguyên
		$\geq 48\% \text{ Al}_2\text{O}_3$	Đối với mỏ Bảo Lộc, Lâm Đồng (Công ty TNHH 1 thành viên HC cơ bản Miền Nam) chỉ được xuất khẩu đến hết 2006.
12	Quặng cao lanh pyrophyllite	$\geq 17\% \text{ Al}_2\text{O}_3$	
13	Quặng fluorit	$\geq 65\% \text{ CaF}_2$	
14	Cát trắng	Đã qua tuyển rửa	Trừ phần mỏ Cam Ranh (Khánh Hòa) do Bộ Xây dựng quản lý
		Loại II; đã qua tuyển rửa $< 98\% \text{ SiO}_2$	Đối với mỏ Vân Hải (Quảng Ninh).
15	Sỏi, cát vàng	Đã qua tuyển rửa	
16	Đá khối (block)	Đã được cắt gọt, gia công chế biến	
17	Đá tấm	Đã được gia công chế biến	
18	Đá trắng	Đã được gia công, chế biến	
19	Bột đá trắng	Độ trắng $\geq 90\%$	
20	Barit		
	- Quặng Barit	Đã qua tuyển rửa	
	- Bột Barit	$\geq 89\% \text{ BaSO}_4$	
21	Fenspat	$\geq 12\% \text{ K}_2\text{O} + \text{Na}_2\text{O}$	

09688549

LawSoft - Tel: +84-6-3645 0664 - www.luuvienvietphapluat.com